TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày: 11-6-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Tô T Quốc
Ông Nguyễn Văn Chính
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn T - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T
Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An
Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Khắc H – Chức vụ: Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: ông Lữ Thái H – Chức vụ: Phó giám đốc (Theo giấy ủy quyền số 85/UQ-NHCS ngày 11/6/2018)

Bị đơn: Ông Đàng Việt T, sinh năm 1969
Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1968
Cùng địa chỉ: ấp Hiệp T , xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long A
(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2018 và bản tự khai nộp cho Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/5/2014, ông Đàng Việt T có đứng tên vay vốn tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T, món vay thuộc diện cH trình Hộ

nghèo mã món vay số 600000701468755 số tiền là 40.000.000đ, lãi suất 0,78%/tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 07/5/2018.

Vào ngày 24/10/2012, ông T có vay vốn cH trình Học sinh sinh viên tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T, mã món vay số 6000005400130350 số tiền là 21.000.000đ, lãi suất 0,65%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng 07/10/2016.

Khi đến hạn của hai khoản vay trên, ông T và bà N không trả được nợ mặc dù phía Phòng giao dịch NHCS huyện Tân T đã nhắc nhở nhiều lần và ông T, bà N đã cam kết trả nhưng cũng không thực hiện.

Hiện nay, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T yêu cầu ông Đàng Việt T và bà Nguyễn Thị Ánh N trả các khoản tiền vay đã quá thời hạn trả theo hợp đồng vay như sau:

+ Khoản vay ngày 25/5/2014, cH trình Hộ cận nghèo số tiền gốc đã vay là 40.000.000đ, số tiền lãi tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 12.973.072đ.

+ Khoản vay ngày 24/10/2012, cH trình Học sinh, sinh viên, số tiền 21.000.000đ, số tiền lãi phải trả tính đến thời điểm khởi kiện là 6.889.907đ.

Như vậy, khoản nợ gốc phải trả của hai khoản vay là 61.000.000đ và tiền lãi là 19.862.979 đ. Hiện nay yêu cầu ông Đàng Việt T và bà Nguyễn Thị Ánh N trả ngay số tiền tổng cộng gốc và lãi là 80.862.979đ (Tám mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng) và yêu cầu trả một lần.

Bị đơn trình bày: Ông T và bà N thống nhất có vay tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T trình bày tiền gốc là 61.000.000đ. Cụ thể hai khoản vay đã đến hạn là khoản vay ngày 25/5/2014, vay cH trình đối với hộ cận nghèo số tiền 40.000.000đ và khoản vay ngày 24/10/2012 số tiền 21.000.000đ.

Hiện nay ông T và bà N thống nhất trả gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có khả năng trả 01 lần nên xin trả dần mỗi tháng là 2.500.000đ cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả gốc và lãi ngay và trả 01 lần. Do từ lúc khởi kiện đến nay ông T và bà N vẫn chưa trả được khoản nào nên tiền lãi phát sinh đến thời điểm xét xử là: tiền lãi của khoản vay 40.000.000đ là 13.014.103đ; tiền lải của khoản vay 21.000.000đ là 6.913.241đ (trong đó, lãi trong hạn là 6.907.857đ+lãi quá hạn là 5.384đ); tổng cộng tiền lãi của hai khoản vay là 19.927.344đ. Tổng cộng gốc và lãi là 61.000.000đ + 19.927.344đ =80.927.344đ. Nếu chậm ông T và bà N chậm trả phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng vay.

- Bị đơn: Thống nhất số nợ gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo nên không có khả năng trả 01 lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bị đơn là ông Đàng Việt T và bà Nguyễn Thị Ánh N vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T hai khoản vay, đó là khoản vay diện cH trình Hộ nghèo mã món vay số 600000701468755 số tiền là 40.000.000đ, lãi suất trong hạn 0,78%/tháng, lãi suất quá hạn 1,014%/tháng và khoản vay cH trình Học sinh sinh viên, mã món vay số 6000005400130350 số tiền là 21.000.000đ, lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng. Hiện nay, hai khoản vay trên đã quá hạn thanh toán nhưng ông T và bà N chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách. Số tiền nợ gốc của hai khoản vay là 61.000.000đ và số tiền lãi của hai khoản vay này là 19.927.344đ.

Ông T và bà N thống nhất có vay các khoản nợ trên và tiền lãi như phía nguyên đơn đã khởi kiện.

Tuy nhiên, giữa hai bên chỉ không thống nhất được với nhau về thời gian trả và pH thức trả. Cụ thể, phía Ngân hàng chính sách yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi một lần do hai khoản nợ trên đã quá thời hạn thanh toán và đã được gia hạn nợ nhưng ông T và bà N cam kết trả nhiều lần mà vẫn chưa trả được. Tại phiên H giải, ông T và bà N xin trả dần 2.500.000đ/tháng cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, tại phiên tòa ông T và bà N xin trả dần mỗi tháng 4.000.000đ nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận. Tòa án đã tiến hành H giải nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau về thời gian trả và pH thức trả nợ vay. Tại phiên tòa các đương sự cũng vẫn giữ ý kiến và không thỏa thuận được với nhau. Do đó, ông T và bà N có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T, nếu chậm trả phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có quyền thực hiện thủ tục thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng được xét miễn án phí do thuộc diện hộ cận nghèo, có xác của chính quyền địa pH nơi cư trú và có đơn xin xét miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T. Buộc ông Đàng Việt T và bà Nguyễn Thị Ánh N có nghĩa vụ trả cho trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T số tiền nợ gốc là 61.000.000đ và tiền lãi là 19.927.344 đ. Tổng cộng gốc và lãi là 80.927.344 đ (Tám mươi triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Đàng Việt T và bà Nguyễn Thị Ánh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân T không phải chịu án phí.

Ông Đàng Việt T và bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 4.046.366đ (Bốn triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng) nhưng được miễn án phí do thuộc diện hộ cận nghèo.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh